PHIẾU THEO DÕI ĐẶT HỘP NHỬ & NGHIỆM THU PHÒNG CHỐNG MỐI CÔNG TRÌNH

Đồng bộ PCS-09 & PCS-01 · Chuẩn TCVN 7958:2017 & TCVN 8268:2017 · Nhân sự ĐH Lâm nghiệp (SAH-CRD-10/11)

Mã biểu mẫu: BM-PCS-05
Phiên bản: v2.0 (17/11/2026)
Chứng chỉ: SAH-CRD-10 / 11
Lưu hồ sơ: Hết bảo hành + 12th

Công trình / Hạng mục	.....	**Chuẩn TCVN & Bảo hành**	☐ TCVN 7958 ☐ TCVN 8268 | BH: ..... năm
Chuyên viên Mối ĐHLN	..... (SAH-CRD-.....)	**Ngày mở hồ sơ / BQL**	...../...../202... | BQL: .....

AN TOÀN DÒ ĐIỆN, ỐNG ÂM TƯỜNG & BẢO VỆ THỦY SINH (PCS-09 · TCVN 7958/8268): (1) **Bắt buộc dò dây điện và ống cấp thoát nước âm tường** bằng máy dò cầm tay kết hợp đối chiếu bản vẽ M&E trước khi khoan nền, tường (**gặp cáp hay ống ngầm phải dịch mũi khoan**, đánh dấu lại điểm an toàn); (2) Tránh xa giếng khoan, nguồn nước sinh hoạt và che bạt kín **bể cá Koi** (≥ 3,0 m); (3) Mọi mũi khoan, đặt bả và hào chống mối phải do nhân sự SAH-CRD-10/11 đứng máy chủ trì; vỏ chai súc 3 lần bỏ túi CTNH 18 01 01.

1. THEO DÕI HỘP NHỬ MỐI (TM-01..TMN), KIỂM TRA ĂN MỒI (10–14 NGÀY) & RẮC BẢ LAN TRUYỀN

(Gắn cố định hộp sát đường mối, không mở động hộp sớm)

Mã TM	Vị trí đặt hộp (khung cửa / tủ / chân tường)	Loài mối	Ngày đặt hộp	Kiểm 10–14 ngày (ăn mồi)	Ngày rắc bả	Thu hộp & soi lại (0 mối)
TM-....		☐ Đất ☐ Gỗ khô	..../..../....	☐ Nhiều ☐ Ít ☐ Chưa	..../..../....	Thu: ..../.... | ☐ 0 mối sống
TM-....		☐ Đất ☐ Gỗ khô	..../..../....	☐ Nhiều ☐ Ít ☐ Chưa	..../..../....	Thu: ..../.... | ☐ 0 mối sống
TM-....		☐ Đất ☐ Gỗ khô	..../..../....	☐ Nhiều ☐ Ít ☐ Chưa	..../..../....	Thu: ..../.... | ☐ 0 mối sống
TM-....		☐ Đất ☐ Gỗ khô	..../..../....	☐ Nhiều ☐ Ít ☐ Chưa	..../..../....	Thu: ..../.... | ☐ 0 mối sống
TM-....		☐ Đất ☐ Gỗ khô	..../..../....	☐ Nhiều ☐ Ít ☐ Chưa	..../..../....	Thu: ..../.... | ☐ 0 mối sống
TM-....		☐ Đất ☐ Gỗ khô	..../..../....	☐ Nhiều ☐ Ít ☐ Chưa	..../..../....	Thu: ..../.... | ☐ 0 mối sống
TM-....		☐ Đất ☐ Gỗ khô	..../..../....	☐ Nhiều ☐ Ít ☐ Chưa	..../..../....	Thu: ..../.... | ☐ 0 mối sống
TM-....		☐ Đất ☐ Gỗ khô	..../..../....	☐ Nhiều ☐ Ít ☐ Chưa	..../..../....	Thu: ..../.... | ☐ 0 mối sống

2. THI CÔNG & NGHIỆM THU HÀNG RÀO HÓA CHẤT · HÀO PHÒNG CHỐNG MỐI (TCVN 7958:2017 & TCVN 8268:2017)

(Đo kích thước thực tế từng tuyến)

Hạng mục phòng chống mối	Thông số chuẩn TCVN & số đo thực tế	An toàn dò điện / nước	Khối lượng / thuốc ĐKLH	Nghiệm thu
1. Hào chống mối BÊN NGOÀI	Chuẩn: Rộng **40–50 cm** × Sâu **60–80 cm** Thực đo: ..... cm × ..... cm	☐ Đã dò cáp ngầm / ống nước ☐ Cách bể cá/giếng ≥ 3,0 m	Chiều dài: ..... m Dung dịch: L	☐ Đạt ☐ Bổ sung
2. Hào chống mối BÊN TRONG	Chuẩn: Rộng **30 cm** × Sâu **40 cm** Thực đo: ..... cm × ..... cm	☐ Kiểm tra chân móng sạch ☐ Không lẫn vữa tạp hữu cơ	Chiều dài: ..... m Dung dịch: L	☐ Đạt ☐ Bổ sung
3. Khoan bơm chân tường / nền (Công trình đang sử dụng 8268)	Mũi Ø 12–16 mm, cách tường 15–20 cm, bước 30–40 cm, sâu 30–40 cm	☐ **Đã dò kỹ điện & ống âm** ☐ Đối chiếu M&E (không chạm)	Số lỗ: ..... lỗ Bít vữa trả nền: ☐ Xong	☐ Đạt ☐ Bổ sung
4. Phủ mặt nền & Bảo vệ gỗ	Phun mặt nền trước lót hoặc xử lý khe gỗ âm, hộp kỹ thuật	☐ Vệ sinh mùn gỗ thừa sạch ☐ Súc 3× bỏ túi CTNH 18 01 01	Diện tích: ..... m^2 Chế phẩm:	☐ Đạt ☐ Bổ sung

NGHIỆM THU SAU XỬ LÝ (21–30 NGÀY) & KHOANH TRỪ T=0: (1) Soi kiểm tra toàn bộ công trình bằng đèn pin, gõ kiểm gỗ và ẩm kế xác nhận **không còn đường đất mối sống mới**, toàn bộ lỗ khoan đã bít gọn thẩm mỹ, thu hồi hết hộp nhử TM; (2) Miễn trừ hư hỏng kết cấu gỗ đã bị mối ăn mục sẵn từ trước mốc khảo sát T=0 trên BM-PCS-01; BQL giữ khô chân tường, không để nước rò rỉ hay chất gỗ phế liệu sát móng công trình.

CHUYÊN VIÊN PHÒNG CHỐNG MỐI (SAH-CRD-10/11 · ĐH Lâm nghiệp)	ĐẠI DIỆN BQL / CHỦ ĐẦU TƯ (Nghiệm thu hào & kết quả 0 mối)
Đã dò điện/ống âm tường, theo dõi hộp nhử 10–14 ngày và thi công đúng TCVN. Họ tên & chữ ký:	Xác nhận đúng kích thước hào, số lượng trạm TM, hoàn trả mặt nền & kết quả nghiệm thu. Họ tên, chức vụ & chữ ký: